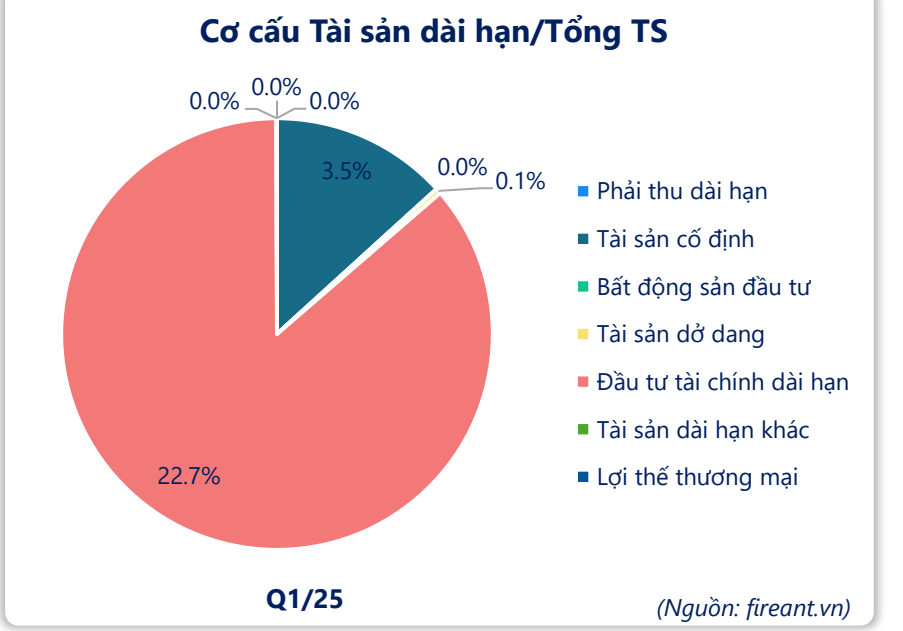
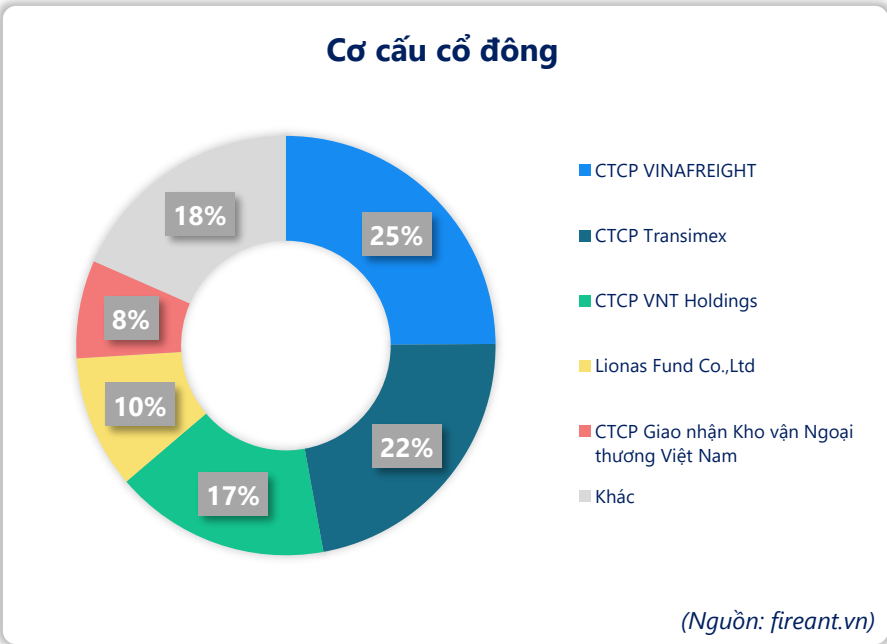
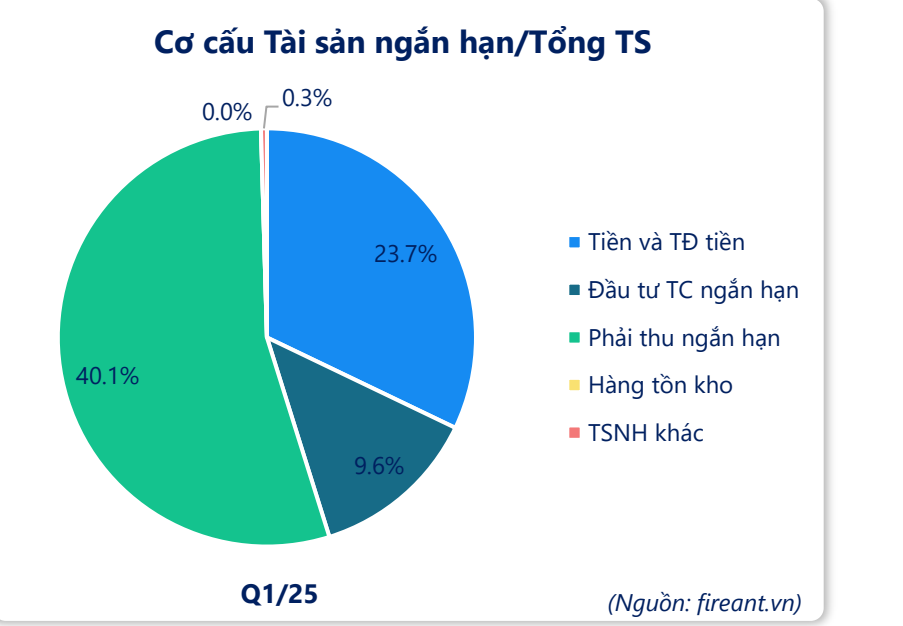
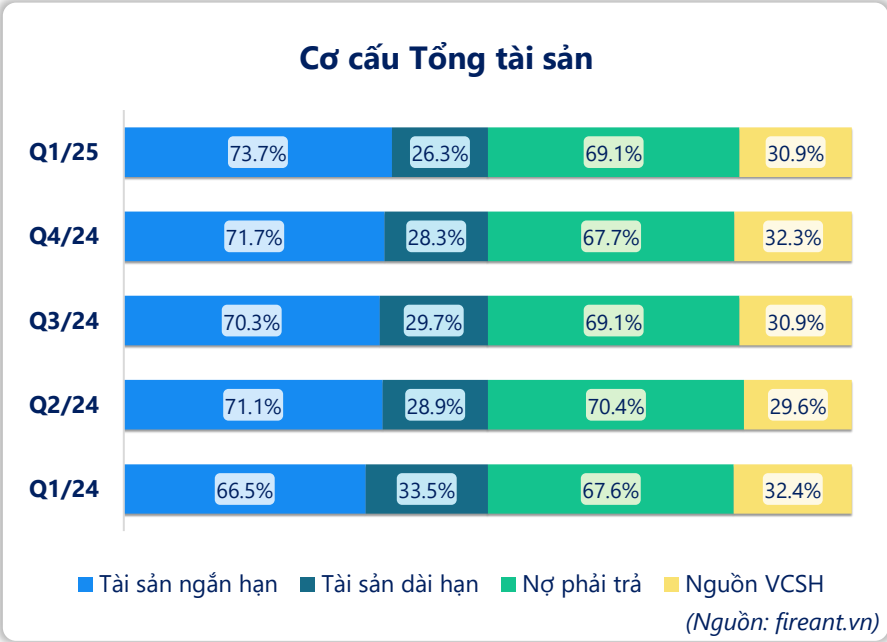
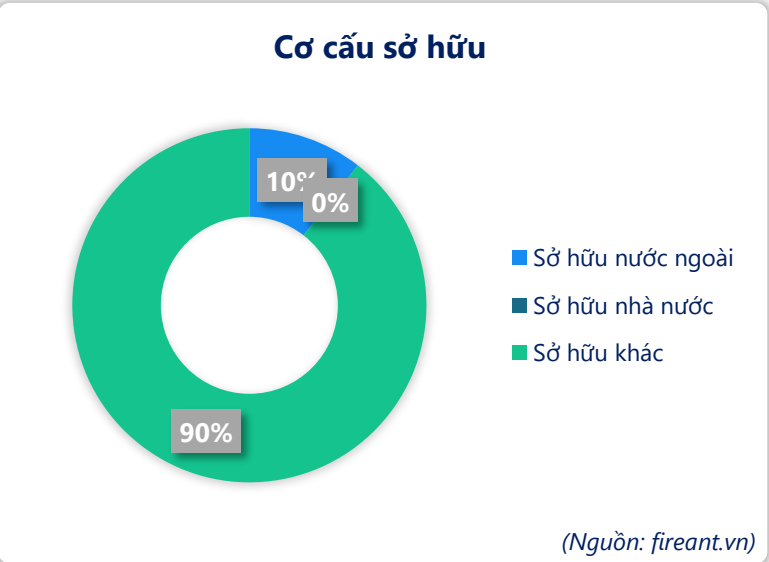
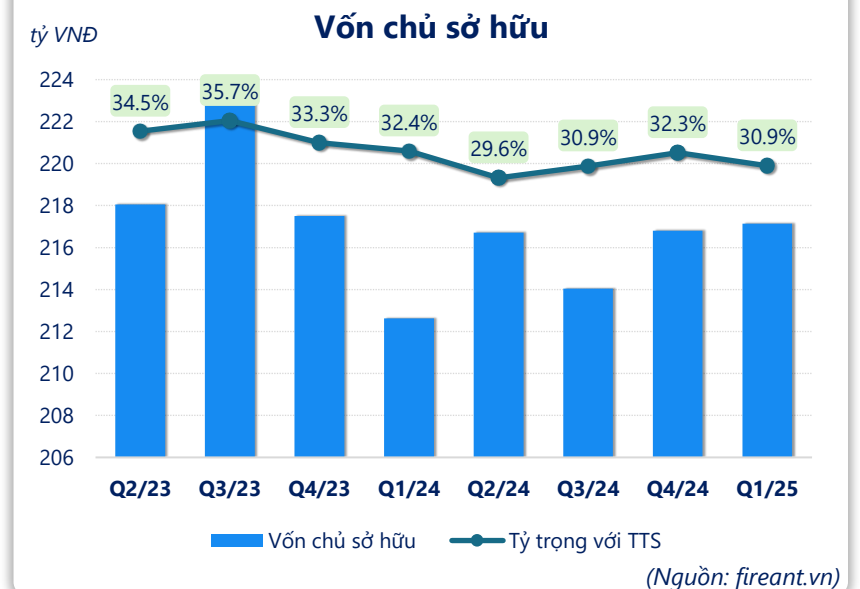
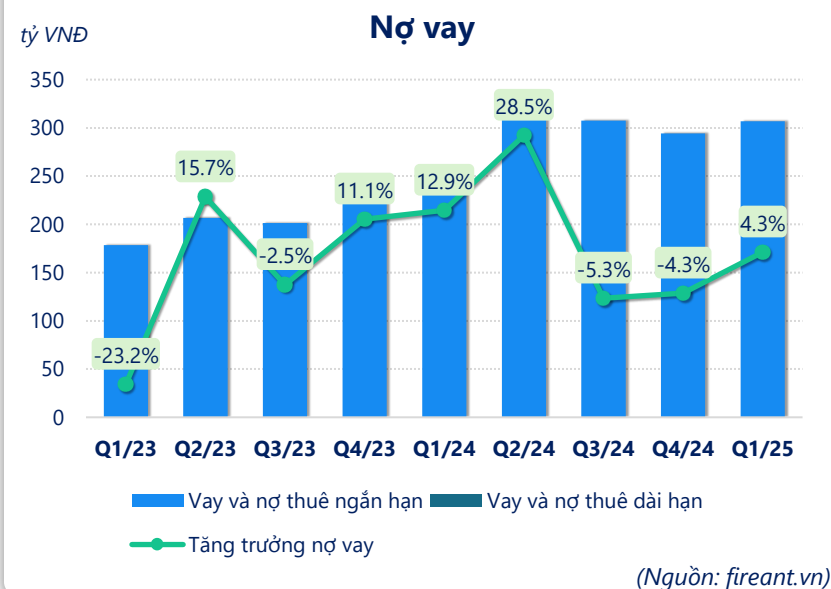
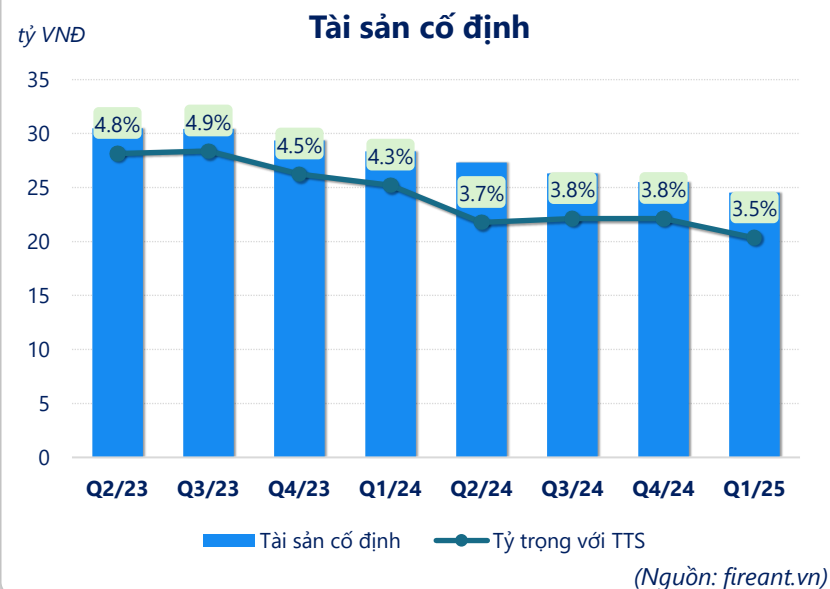
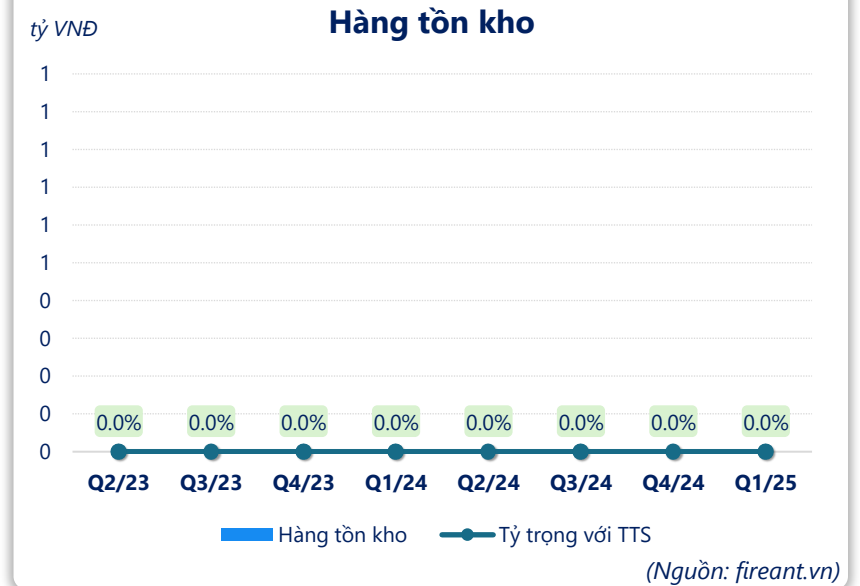
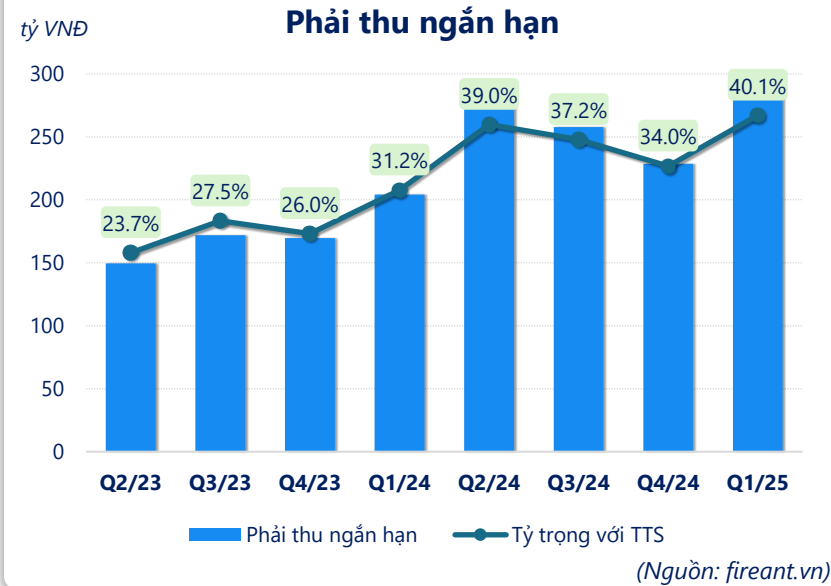
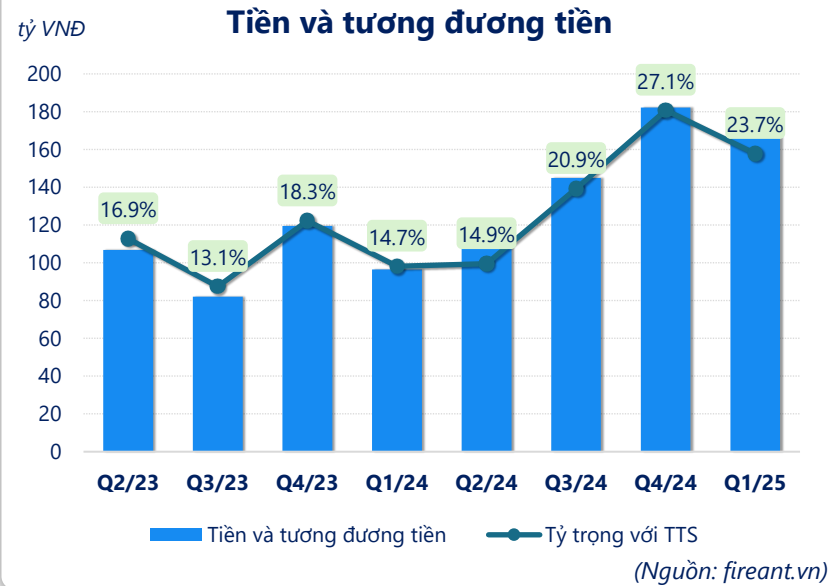
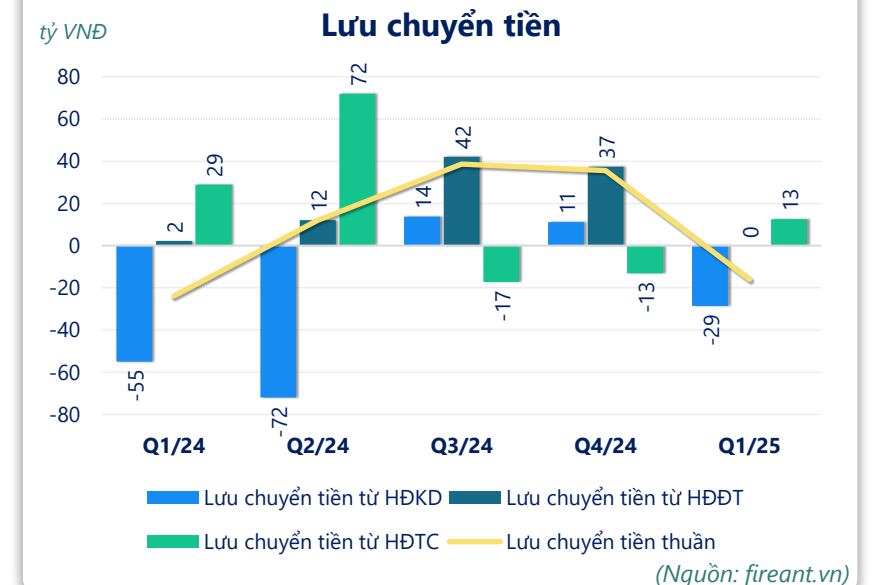
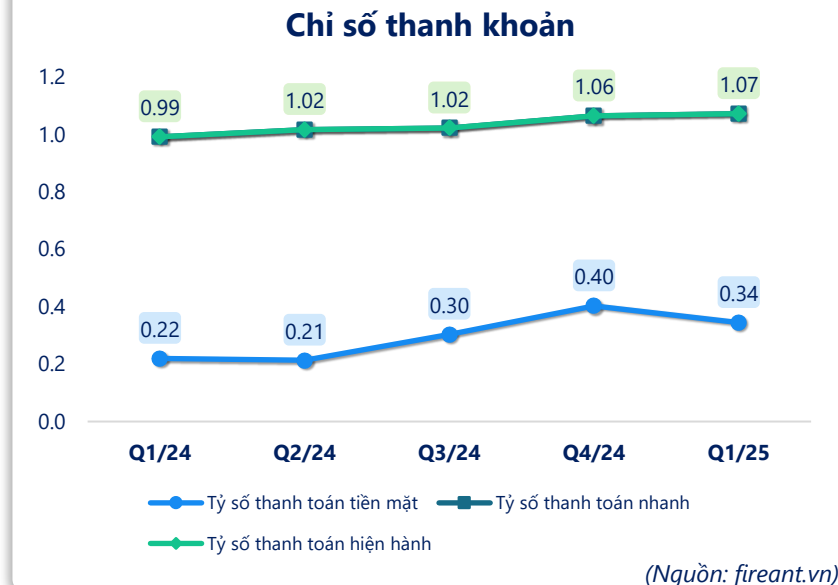
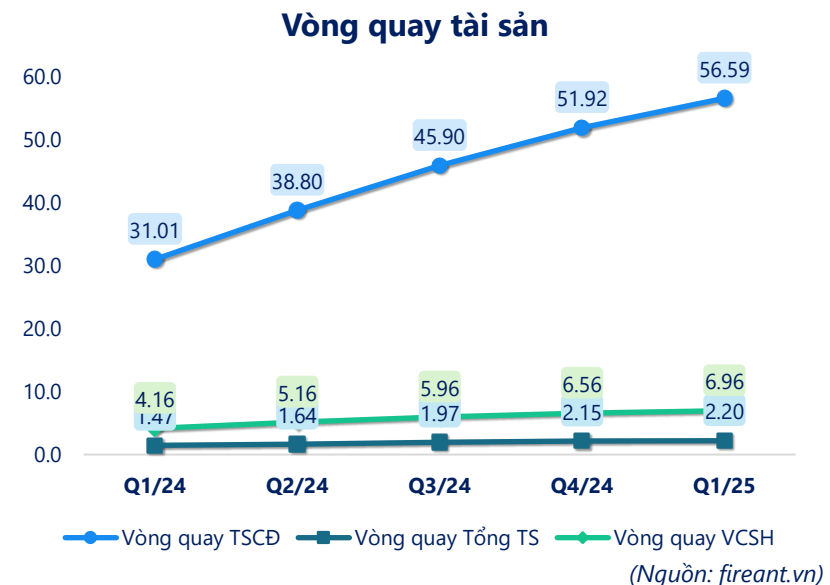
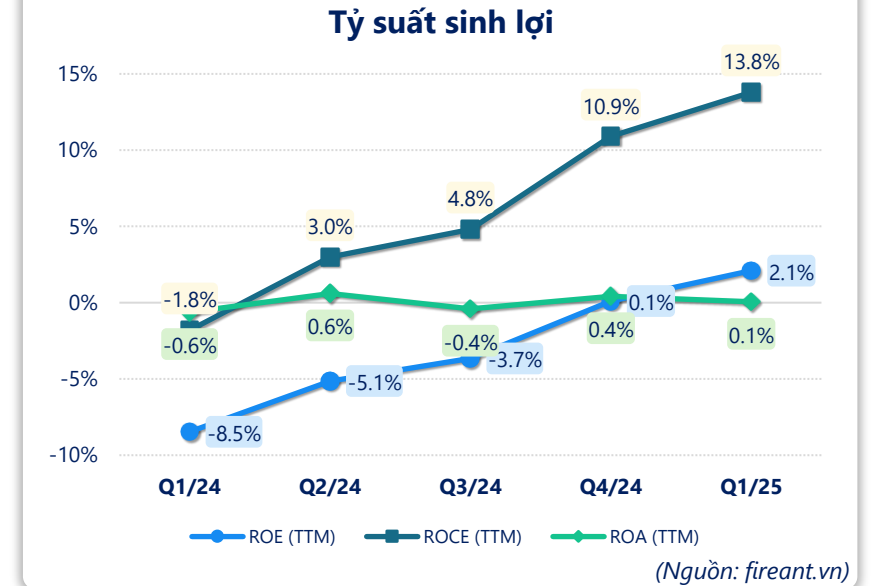
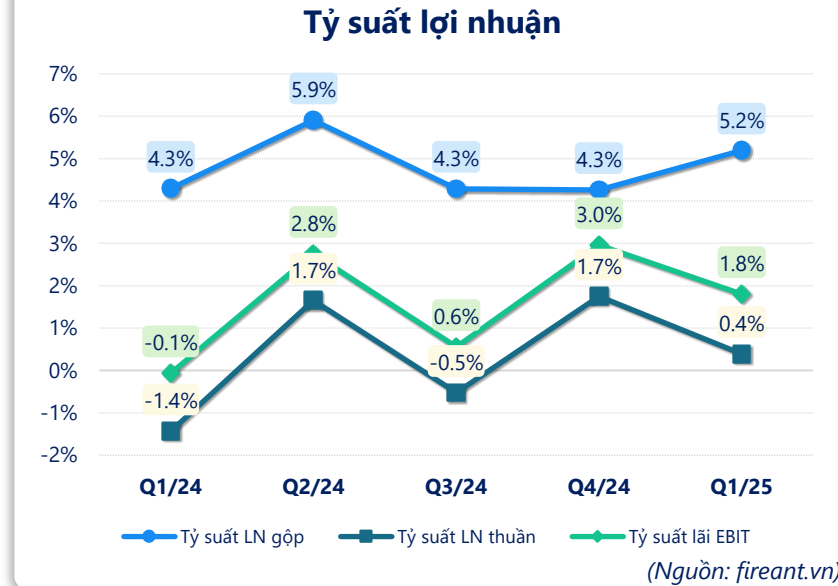
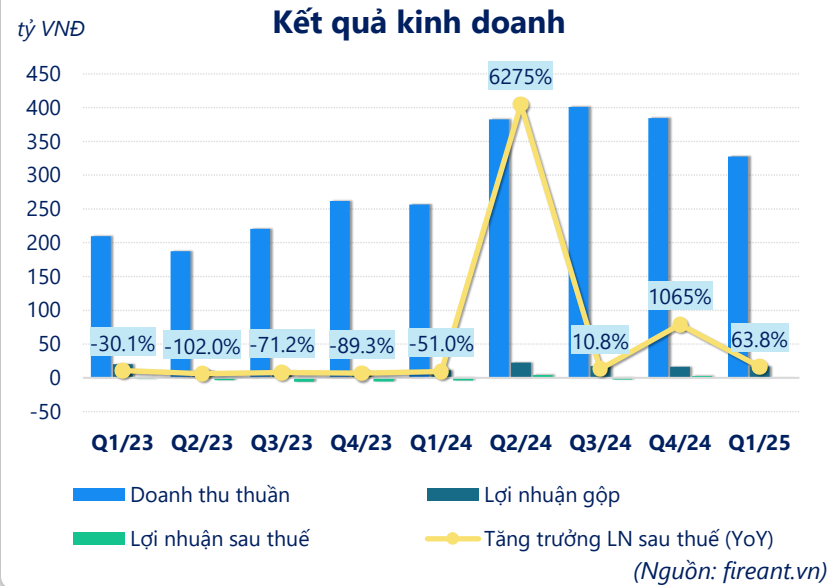


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		31,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		55,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		27,900
SL cổ phiếu LH		16,644,097
KLGD BQ 20 phiên (CP)		55
% sở hữu nước ngoài		10.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		521
P/E		115.4
EPS		271

	YTD	1T	3T	6T
VNT	12.2%	-9.3%	-0.3%	-18.1%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	703	672	4.7%
Tài sản ngắn hạn	518	482	7.6%
Tiền và tương đương tiền	167	182	-8.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	67.6	67.1	0.8%
Phải thu ngắn hạn	282	229	23.3%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	2.35	3.70	-36.5%
Tài sản dài hạn	185	190	-2.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	24.5	25.5	-3.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.74	0.74	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	160	164	-2.7%
Tài sản dài hạn khác	0.10	0.14	-26.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	486	455	6.8%
Nợ ngắn hạn	484	453	6.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	307	294	4.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	133	126	5.8%
Nợ dài hạn	2.38	2.38	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	217	217	0.2%
Vốn chủ sở hữu	217	217	0.2%
Vốn điều lệ	167	167	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	256	382	401	384	328
Giá vốn hàng bán	245	360	384	368	311
Lợi nhuận gộp	11.0	22.6	17.2	16.4	17.0
Doanh thu HĐTC	3.91	3.91	2.70	16.4	1.61
Chi phí TC	3.09	4.55	8.02	4.91	4.28
Chi phí lãi vay	2.86	3.92	4.43	4.39	4.08
LN trong công ty LKLD	-7.76	-7.10	-4.57	-14.1	-4.48
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	7.74	8.53	9.43	7.07	8.58
LN thuần từ HĐKD	-3.68	6.31	-2.12	6.72	1.29
Lợi nhuận khác	0.65	0.30	-0.09	0.26	0.54
LN trước thuế	-3.03	6.61	-2.20	6.98	1.83
Lợi nhuận sau thuế	-3.94	4.09	-2.67	2.75	0.34
LNST của CĐ cty mẹ	-3.94	4.09	-2.67	2.75	0.34

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-54.9	-72.0	13.7	11.2	-28.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.16	12.0	42.1	37.4	0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	28.9	71.9	-17.2	-13.1	12.5
Tiền đầu kỳ	120	96.5	109	145	182
Lưu chuyển tiền thuần	-23.9	12.0	38.6	35.5	-16.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.85	0.75	-2.96	1.78	0.32
Tiền cuối kỳ	96.5	109	145	182	167

(Nguồn: fireant.vn)